

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày 01/8/2024

*V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Đinh Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thúc.

2. Ông Y Dhiều Hmok.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ:*** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 01/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST–HNGĐ ngày 05/6/2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn N, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B

Địa chỉ: H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quang A, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn N, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông A chung sống tự nguyện không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường hay cãi vã khiến cho hôn nhân không thể hàn gắn được. Nay tôi nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với

ông Ân, đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa tôi và ông A là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và ông Ân có 02 con chung gồm Lê Quang B, sinh ngày 02/12/1992 và Lê Bảo Q, sinh ngày 18/01/2001. Nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn* ông Nguyễn Đình B đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị V, không bổ sung gì thêm.

- *Bị đơn ông Lê Quang A, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà V chung sống tự nguyện không đăng ký kết hôn. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã khiến cho hôn nhân không thể hàn gắn được. Nay tôi nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với bà V, nay bà V đề nghị Toà án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa tôi và bà V thì tôi đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và bà Vân có 02 con chung gồm Lê Quang B, sinh ngày 02/12/1992 và Lê Bảo Q, sinh ngày 18/01/2001. Nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị V và ông Lê Quang A là vợ chồng. Về con chung: Các con chung Lê Quang B, sinh ngày 02/12/1992 và Lê Bảo Q, sinh ngày 18/01/2001 hiện nay đã trưởng thành nên và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị V có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Lê Quang A là vợ chồng. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy rằng: Bà V và ông A tự nguyện cùng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với nhau ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng sống không hạnh phúc. Nay bà Vân yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông A là vợ chồng là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà V và ông A có 02 con chung là Lê Quang B, sinh ngày 02/12/1992 và Lê Bảo Q, sinh ngày 18/01/2001, hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà V, ông A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị V chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V.

**-Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị V và ông Lê Quang A là vợ chồng.

**-Về con chung:** Đối với các con chung Lê Quang B, sinh ngày 02/12/1992 và Lê Bảo Q, sinh ngày 18/01/2001, hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà Vân, ông Ân không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

**-Về tài sản và công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**Về án phí:** Bà Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Vân đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001560 ngày 03/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã E;
- THA DS thị xã;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

***Đinh Thị Hương***











**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*Đinh Thị Hương*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Cư Bao;
- THA DS thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Đinh Thị Hương***

